TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN Bản án số: 41/2024/DS-ST Ngày 04 - 4 - 2024 V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Đổi
2. Ông Nguyễn Chí Lin

***Thư ký phiên tòa*:** Nguyễn Thị Kim Thoa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Mai- Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 978/2023/TLST- DS ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng Vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 3 năm 2024, giữa:

1.*Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Phương T, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: 7 Ni Sư H, phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;
2. Bị đơn: Bà Trần Thị Minh H, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 11 năm 2023 và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị Phương T trình bày:

Bà và bà H có quen biết với nhau do có làm ăn kinh tế chung nên ngày 11/12/2022 bà với bà H có lập giấy cam kết có nội dung là bà H còn nợ của bà là 789.000.000 đồng. Cụ thể bà H hứa trả ngày 05/3/2023 số tiền là 400.000.000 đồng; ngày 20/4/2023 bà H hứa trả bà số tiền là 190.000.000 đồng; lần thứ ba ngày 05/6/2023 bà H hứa trả 199.000.000 đồng. Tuy nhiên quá hạn nhưng bà H không trả.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà H phải trả bà số tiền vốn là 789.000.000 đồng và phải trả lãi chậm trả từ ngày hứa trả từng phần tiền đến khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi 10%/năm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H1 xác định: có mượn tiền của bà Trần Thị Phương T là 789.000.000 đồng vào ngày 11/12/2022. Bà có hứa trả làm 03 đợt như bà T trình bày như trên. Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà T bà đồng ý trả vốn và lãi theo yêu cầu của bà T nhưng bà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Quan điểm kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm Phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã tiến hành làm việc đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi vì bà H1 mượn tiền bà T quá lâu không có thiện chí trả nên cần buộc bà H1 trả cho bà T 789.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo yêu cầu của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phương T nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là:"*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị Minh H1 có hộ khẩu thường trú tại ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Trần Thị Phương T là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Minh H1 là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Trần Thị Phương T yêu cầu bà Nguyễn Thị Minh H1 trả tiền thuộc trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên đối chiếu theo quy định Điều 155 Bộ luật dân sự nên không tính thời hiệu khởi kiện; bà Trần Thị Phương T có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Bà T khởi kiện yêu cầu bà H1 trả 789.000 đồng tiền mượn. Về chứng cứ Tòa án đã thu thập được do nguyên đơn cung cấp gồm có: Giấy cam kết ngày 11/12/2022.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Các đương sự xác định đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật dân sự 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu.

[1.4]. Về việc xét xử vắng mặt: các đương sự T, H1 có đơn yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T, H1.

[2].Về nội dung:

Theo giấy cam kết ngày 11/12/2022 thì bà H1 có mượn bà T số tiền 789.000.000 đồng và cam kết trả làm 03 đợt. Cụ thể ngày 05/3/2023 trả số tiền là 400.000.000 đồng; ngày 20/4/2023 bà H1 hứa trả bà số tiền là 190.000.000 đồng; lần thứ ba ngày 05/6/2023 bà H1 hứa trả 199.000.000 đồng. Tuy nhiên đến hạn bà H1 vẫn không trả làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Bà H1 có thừa nhận nợ bà T số tiền trên và đồng ý trả vốn và lãi chậm trả cho bà T nhưng trả dần 2.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng bà H1 nợ bà T số tiền 789.000.000 đồng từ ngày 11/12/2022 đến nay đã quá lâu nhưng bà H1 không có thiện chí trả nợ. Do đó cần buộc bà H1 phải trả bà T 789.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi 10%/năm. Cụ thể số tiền lãi được tính như sau:

Số tiền 400.000.000 đồng tính lãi từ ngày 05/3/2023: 400.000.000 đồng x 12 tháng 29 ngày x 0,83%/tháng = 43.049.333 đồng;

Số tiền 190.000.000 đồng tính lãi từ ngày 20/4/2023: 190.000.000 đồng x 12 tháng 16 ngày x 0,83%/tháng = 18.177.400 đồng;

Số tiền 199.000.000 đồng tính lãi từ ngày 05/6/2023: 199.000.000 đồng x 9 tháng 29 ngày x 0,83%/tháng = 16.461.943 đồng.

Do đó cần buộc bà H1 phải trả cho bà T vốn 789.000.000 đồng và lãi là 43.049.333 đồng + 18.177.400 đồng + 16.461.943 đồng = 866.688.676 đồng (T1 trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm bảy mươi sáu đồng).

[3].Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án bà H1 phải chịu án phí.

Vìcác lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Phương T về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" với bà Nguyễn Thị Minh H1.

Buộc bà Nguyễn Thị Minh H1 phải trả cho bà Trần Thị Phương T 866.688.676 đồng (T1 trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm bảy mươi sáu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà H1 phải nộp 38.000.660 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà Nước. H2 lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí là 18.513.000 đồng theo biên lai số 0005415 ngày 22/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

4. Án xét xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

5.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mộng Thúy